

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án
Đầu tư xây dựng trang trại chăn nuôi heo nái theo mô hình công nghiệp khép kín,
quy mô 3.000 con heo nái sinh sản tại ấp Thuận Thành 2, xã Thuận Lợi,
huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước do Công ty TNHH MTV
Dịch vụ Chăn nuôi Thuận Thành làm chủ đầu tư

CHỦ TỊCH UBND TỈNH BÌNH PHƯỚC

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;

*Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy
định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá
tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa
đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành
Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ
Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều Nghị định số
40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều
của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường
và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;*

*Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Đầu tư xây dựng
trang trại chăn nuôi heo nái theo mô hình công nghiệp khép kín, quy mô 3.000 con
heo nái sinh sản tại ấp Thuận Thành 2, xã Thuận Lợi, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình
Phước do Công ty TNHH MTV Dịch vụ Chăn nuôi Thuận Thành làm chủ đầu tư đã
được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Công văn số 08/CV-TT ngày 15/6/2021;*

*Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số
420/TTr-STNMT ngày 21/6/2021.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Đầu tư xây dựng trang trại chăn nuôi heo nái theo mô hình công nghiệp khép kín, quy mô 3.000 con heo nái sinh sản (sau đây gọi là Dự án) của Công ty TNHH MTV Dịch vụ Chăn nuôi Thuận Thành (sau đây gọi là Chủ Dự án) thực hiện tại ấp Thuận Thành 2, xã Thuận Lợi, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước với các nội dung chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ Dự án có trách nhiệm:

1. Niêm yết công khai Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định pháp luật.
2. Thực hiện nghiêm túc nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của Dự án.

Điều 4. Ủy nhiệm Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện việc kiểm tra các nội dung bảo vệ môi trường trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định này.

Điều 5. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chi cục trưởng Chi cục Bảo vệ môi trường, Chủ tịch UBND huyện Đồng Phú, Chủ tịch UBND xã Thuận Lợi, Người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH MTV Dịch vụ Chăn nuôi Thuận Thành và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch;
- Như Điều 5;
- Lãnh đạo VP, Phòng Kinh tế;
- Lưu: VT_(BH-47-QĐPD-23/6).



Kỳ Anh Minh

Phụ lục

Các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường của Dự án Đầu tư xây dựng trang trại chăn nuôi heo nái theo mô hình công nghiệp khép kín, quy mô 3.000 con heo nái sinh sản tại ấp Thuận Thành 2, xã Thuận Lợi, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước do Công ty TNHH MTV Dịch vụ Chăn nuôi Thuận Thành làm chủ đầu tư
(Kèm theo Quyết định số 16.32./QĐ-UBND ngày 24/10/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Phước)

1. Thông tin về Dự án:

1.1. Tên Dự án: Đầu tư xây dựng trang trại chăn nuôi heo nái theo mô hình công nghiệp khép kín, quy mô 3.000 con heo nái sinh sản tại ấp Thuận Thành 2, xã Thuận Lợi, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước do Công ty TNHH MTV Dịch vụ Chăn nuôi Thuận Thành làm chủ đầu tư.

1.2. Chủ Dự án: Công ty TNHH MTV Dịch vụ Chăn nuôi Thuận Thành.

Công ty TNHH MTV Dịch vụ Chăn nuôi Thuận Thành được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên số 3801208164 do Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp lần đầu ngày 10/9/2019.

Trụ sở chính: Thôn Thuận Thành 2, xã Thuận Lợi, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Đồng Thị Bình, chức vụ: Giám đốc.

1.3. Địa điểm thực hiện Dự án: Ấp Thuận Thành 2, xã Thuận Lợi, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

1.4. Phạm vi, quy mô: Dự án thực hiện trên khu đất có diện tích khoảng 160.278,3 m² với quy mô 3.000 con heo nái sinh sản.

1.5. Công nghệ của Dự án: Chăn nuôi heo tập trung bằng công nghệ trại lạnh khép kín.

1.6. Các hạng mục công trình chính của Dự án: Khu chăn nuôi, khu điều hành và khu vực xử lý chất thải.

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ Dự án:

2.1. Các tác động môi trường chính của Dự án:

- *Tác động trong giai đoạn chuẩn bị và triển khai xây dựng Dự án:* Gồm bụi từ quá trình san nền, đào móng; bụi, khí thải từ các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu thi công và từ các máy móc thi công; khí thải từ hoạt động cơ khí; bụi, khí thải từ quá trình thi công; nước thải sinh hoạt; nước thải xây dựng; chất thải rắn xây dựng; chất thải rắn sinh hoạt và chất thải nguy hại.

- *Tác động trong giai đoạn Dự án đi vào hoạt động:* Gồm bụi, khí thải từ các phương tiện vận tải ra vào trang trại; bụi, khí thải máy phát điện dự phòng; bụi phát sinh từ nhập nguyên liệu thức ăn; khí thải từ hầm biogas; mùi từ khu chăn nuôi, nhà để phân, hầm hủy xác và quá trình xử lý nước thải; nước thải từ quá trình chăn nuôi; nước thải sinh hoạt của công nhân; nước thải từ quá trình phụ trợ khác;

chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn không nguy hại và chất thải nguy hại.

2.2. Quy mô, tính chất của nước thải:

2.2.1. Trong giai đoạn triển khai xây dựng Dự án:

- *Nước thải xây dựng*: Lưu lượng phát sinh khoảng 1,5 m³/ngày; thành phần ô nhiễm chủ yếu là đất, cát, chất rắn lơ lửng...

- *Nước thải sinh hoạt*: Lưu lượng phát sinh khoảng 2,4 m³/ngày; thành phần ô nhiễm chủ yếu là BOD₅, SS, dầu mỡ động thực vật, amoni, tổng các chất hoạt động bề mặt, phosphat, tổng coliform...

2.2.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

- *Nước thải chăn nuôi*: Lưu lượng phát sinh khoảng 96,76 m³/ngày.đêm; thành phần ô nhiễm chủ yếu là pH, SS, COD, BOD₅, tổng nitơ, tổng coliform, coli phân, salmonella.

- *Nước thải từ quá trình sát trùng người và xe*: Lưu lượng phát sinh khoảng 0,75 m³/ngày.đêm; tính chất nước thải có độ pH tương đối thấp, tính oxy hóa mạnh.

- *Nước thải sinh hoạt*: Lưu lượng phát sinh khoảng 3,2 m³/ngày; thành phần chủ yếu là BOD₅, SS, dầu mỡ động thực vật, amoni, tổng các chất hoạt động bề mặt, phosphat, tổng coliform...

2.3. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

2.3.1. Trong giai đoạn chuẩn bị và triển khai xây dựng Dự án:

- *Bụi, khí thải từ quá trình thi công san nền, đào móng*: Nồng độ bụi phát sinh trong quá trình đào đất, san nền là 2,282 mg/m³.

- *Bụi, khí thải từ các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng và từ các máy móc thi công*: Thành phần chủ yếu là bụi, NO_x, CO, HC.

- *Bụi, khí thải từ các hoạt động cơ khí*: Thành phần chủ yếu là khói hàn, CO, NO_x.

- *Bụi, khí thải từ quá trình thi công*: Thành phần chủ yếu là bụi, SO₂, NO_x, CO.

2.3.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

- *Bụi, khí thải phát ra từ các phương tiện vận tải ra vào trang trại*: Thường chứa các thành phần ô nhiễm như bụi, NO_x, CO, HC.

- *Bụi, khí thải máy phát điện dự phòng*: Thường chứa các thành phần ô nhiễm như bụi, SO₂, NO_x, CO.

- *Bụi phát sinh từ quá trình nhập nguyên liệu thức ăn*: Nồng độ bụi phát sinh khoảng 0,325 mg/m³.

- *Khí thải từ hầm biogas*: Lượng khí CH₄ sinh ra từ hầm biogas khoảng 52,128 m³/ngày. Thành phần chính của khí biogas là CH₄ (58% đến 60%) và CO₂ (>30%) còn lại là các chất khác như hơi nước, O₂, H₂S, CO.

- *Mùi từ quá trình xử lý nước thải, nhà để phân, hầm hủy xác và khu chăn nuôi*: Thường chứa các thành phần như NH₃, H₂S, mercaptan và các amin hữu cơ,

andehyde hữu cơ, axit béo dễ bay hơi...

2.4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn sinh hoạt và công nghiệp thông thường:

2.4.1. Trong giai đoạn triển khai xây dựng Dự án:

- *Chất thải rắn xây dựng*: Khối lượng phát sinh khoảng 266,175 tấn trong suốt quá trình xây dựng, chủ yếu là các loại nguyên vật liệu xây dựng thải, rơi vãi như xi măng, gạch vỡ, sắt thép vụn, bao bì đựng vật liệu...

- *Chất thải rắn sinh hoạt*: Khối lượng phát sinh khoảng 24 kg/ngày, thành phần chủ yếu là các chất hữu cơ.

2.4.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào hoạt động:

- *Phân heo*: Tổng lượng phân heo phát sinh khoảng 5.648 kg/ngày; thành phần phân heo chủ yếu gồm nước (56% - 83%) và các chất hữu cơ, ngoài ra còn có các chất dinh dưỡng như N, P, K dưới dạng các hợp chất hữu cơ và vô cơ.

- *Nhau thai và xác heo chết không do dịch bệnh (ngộ p, còi cọc)*: Tổng lượng nhau thai và xác heo chết không do dịch bệnh phát sinh khoảng 63 kg/ngày (trong đó lượng heo chết không do dịch bệnh khoảng 15 kg/ngày, lượng nhau thai là 48 kg/ngày); thành phần chủ yếu của nhau thai và xác heo chết không do dịch bệnh gồm các chất hữu cơ, các chất dinh dưỡng N, P, K dưới dạng các hợp chất hữu cơ và vô cơ.

- *Bao bì cám heo dự trữ*: Khối lượng phát sinh trung bình khoảng 3,14 kg/ngày.

- *Bùn thải*: Khối lượng bùn phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải khoảng 281 kg/ngày; thành phần chủ yếu là nước và các chất hữu cơ, ngoài ra còn có các chất dinh dưỡng N, P, K dưới dạng các hợp chất hữu cơ.

- *Tắm làm mát thải bỏ*: Khối lượng tắm làm mát thải bỏ khoảng 607,5 kg/năm.

- *Chất thải rắn sinh hoạt*: Khối lượng phát sinh khoảng 32 kg/ngày, thành phần bao gồm rác thực phẩm, giấy, xương, ni lông, vỏ đồ hộp... Chất thải sinh hoạt có chứa 60% - 70% chất hữu cơ và 30% - 40% các chất khác.

2.5. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại:

2.5.1. Trong giai đoạn triển khai xây dựng Dự án: Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh khoảng 27 kg/tháng bao gồm dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải; chất hấp thụ vật liệu lọc, giẻ lau; bóng đèn huỳnh quang thải; cặn sơn thải; que hàn thải...

2.5.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào hoạt động: Lượng chất thải nguy hại phát sinh khoảng 74 kg/tháng bao gồm giẻ lau, bao tay dính hóa chất dầu mỡ; thùng, bao bì cứng thải bằng nhựa; bao bì mềm thải (bao gồm bao bì thuốc thú y); bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải; dầu nhớt thải, chất thải lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn); chất thải có các thành phần nguy hại từ quá trình vệ sinh chuồng trại (bao bì mềm thải chứa thành phần nguy hại từ quá trình sát trùng xe, chuồng trại); pin, ắc quy chì thải; hộp mực in thải...

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án:

3.1. Về thu gom và xử lý nước thải:

3.1.1. Trong giai đoạn triển khai xây dựng Dự án:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải từ quá trình thi công xây dựng:* Nước thải từ quá trình thi công xây dựng được thu gom vào hố lắng tạm sơ bộ bằng đất có kích thước 02 m x 01 m x 1,5 m. Bụi, đất, cát... có trong nước thải được lắng xuống, phần nước sau lắng được tái sử dụng cho quá trình trộn bê tông, tưới đường.

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải sinh hoạt:* Xây dựng trước 04 hầm tự hoại 03 ngăn để sử dụng chung cho cả giai đoạn xây dựng và giai đoạn Dự án đi vào vận hành với thể tích 03 m³/hầm. Nước thải sinh hoạt sau khi qua bể tự hoại 03 ngăn được đầu nối về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Dự án để tiếp tục xử lý đạt quy chuẩn theo quy định trước khi thải ra môi trường.

- *Yêu cầu bảo vệ môi trường:* Nước thải xây dựng được thu gom, lắng cặn trước khi tái sử dụng cho việc trộn bê tông, tưới đường. Nước thải sinh hoạt sau khi qua bể tự hoại 03 ngăn được đầu nối về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Dự án để tiếp tục xử lý đạt quy chuẩn theo quy định trước khi thải ra môi trường.

3.1.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải sinh hoạt:* Nước thải sinh hoạt bao gồm nước thải từ quá trình sinh hoạt của công nhân và nước thải từ quá trình tắm, giặt. Nước thải từ quá trình sinh hoạt của công nhân sau khi qua bể tự hoại 03 ngăn được đưa vào hầm biogas của hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý. Chủ Dự án xây dựng 04 hầm tự hoại 03 ngăn với thể tích mỗi hầm là 03 m³/hầm được bố trí tại nhà công nhân (02 hầm), nhà kỹ thuật và nhà điều hành. Nước thải từ quá trình tắm, giặt, rửa tay chân được dẫn về hồ sinh học 2 bằng ống nhựa PVC, đường kính 90 mm để xử lý.

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do nước sát trùng người và xe:* Được thu gom bằng đường ống uPVC Ø60 mm về hồ chứa nước thải sau xử lý của hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải chăn nuôi:* Nước thải chăn nuôi phát sinh từ Dự án được thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý. Chủ Dự án xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung, công suất 130 m³/ngày.đêm có quy trình công nghệ như sau:

Nước thải sinh hoạt sau bể tự hoại 03 ngăn → Hầm biogas; Nước sát trùng xe và công nhân → Hồ chứa nước thải sau xử lý; Nước thải từ quá trình tắm, giặt, rửa tay, rửa chân → Hồ sinh học 2; Nước thải chăn nuôi → Hồ CT → Hầm biogas → Hồ sinh học 1 → Hồ sinh học 2 → Bể anoxic → Bể aerotank → Bể lắng sinh học → Bể keo tụ → Bể tạo bông → Bể lắng hóa lý → Bể khử trùng → Hồ chứa nước thải sau xử lý → Nước thải đạt cột B, QCVN 62-MT:2016/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi và QCVN 01-14:2010/BNNPTNT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về điều kiện trại chăn nuôi lợn an toàn sinh học được tái sử dụng để tưới cây.

Kích thước các hạng mục công trình xử lý nước thải của Dự án:

STT	Công trình	Kích thước (m) (dài x rộng x sâu)	Số lượng	Thể tích (m ³)	Vật liệu xây dựng
1	Hầm biogas	74 x 34 x 05	01	12.580	Hồ đất vát taluy, lót và phủ bạt HDPE
2	Hồ sinh học 1	30 x 20 x 05	01	3.000	Hồ đất, lót bạt HDPE
3	Hồ sinh học 2	30 x 20 x 05	01	3.000	Hồ đất, lót bạt HDPE
4	Bể anoxic	3,6 x 3,6 x 05	01	64,8	Bê tông cốt thép, trát lớp chống thấm
5	Bể aerotank	7,4 x 2,6 x 05	01	96,2	Bê tông cốt thép, trát lớp chống thấm
6	Bể lắng sinh học	3,6 x 3,6 x 05	01	64,8	Bê tông cốt thép, trát lớp chống thấm
7	Bể keo tụ	1,2 x 01 x 03	01	3,6	Bê tông cốt thép, trát lớp chống thấm
8	Bể tạo bông	1,2 x 01 x 03	01	3,6	Bê tông cốt thép, trát lớp chống thấm
9	Bể lắng hóa lý	2,2 x 2,2 x 03	01	14,52	Bê tông cốt thép, trát lớp chống thấm
10	Bể khử trùng	2,2 x 1,2 x 03	01	7,92	Bê tông cốt thép, trát lớp chống thấm
11	Bể chứa bùn	2,2 x 1,2 x 03	01	7,92	Bê tông cốt thép, trát lớp chống thấm
12	Hồ chứa nước thải sau xử lý	25 x 15 x 05	02	3.750	Hồ đất, lót bạt HDPE
13	Hố CT	10 x 05 x 05	01	250	Bê tông cốt thép, trát lớp chống thấm

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh từ quá trình hoạt động của Dự án đạt cột B, QCVN 62-MT:2016/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi và QCVN 01-14:2010/BNNPTNT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia điều kiện trại chăn nuôi lợn an toàn sinh học trước khi tái sử dụng để tưới cây.

3.2. Về xử lý bụi, khí thải:

3.2.1. Trong giai đoạn chuẩn bị và triển khai xây dựng Dự án:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi từ quá trình san nền, đào móng:* Tưới nước trong các ngày nắng ở các khu vực có khả năng phát sinh bụi; trang bị các phương tiện bảo hộ lao động cho công nhân; kiểm tra các phương tiện thi công nhằm đảm bảo thiết bị, máy móc luôn ở trong điều kiện tốt nhất về mặt kỹ thuật...

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi và khí thải từ các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu thi công và từ các máy móc thi công:* Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng động cơ của các phương tiện, sử dụng nhiên liệu xăng dầu có hàm lượng lưu huỳnh thấp để giảm thiểu ô nhiễm; áp dụng các biện pháp thi công hiện đại, cơ giới hóa...

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do khí thải từ hoạt động hàn, cắt, sơn, xì kim loại:* Trang bị đầy đủ thiết bị bảo hộ an toàn lao động cho công nhân; bố trí thời gian làm việc hợp lý cho công nhân thi công; tập huấn về kỹ thuật và an toàn khi thi công cơ khí...

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Môi trường không khí khu vực thi công xây dựng đạt các quy định tại Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT ngày 10/10/2002 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động; QCVN 02:2019/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc; QCVN 03:2019/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc và các quy định của pháp luật hiện hành.

3.2.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào hoạt động:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi, khí thải từ các phương tiện vận tải:* Xây dựng đường giao thông nội bộ dành riêng cho các phương tiện vận tải ra vào khu vực trang trại; không nổ máy trong lúc bốc dỡ nguyên liệu, không chờ quá tải; điều phối xe hợp lý tránh tập trung quá nhiều xe hoạt động cùng thời điểm...

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi và khí thải từ máy phát điện dự phòng:* Bảo dưỡng máy phát điện định kỳ; sử dụng nhiên liệu có hàm lượng lưu huỳnh thấp; máy phát điện được bố trí nhà đặt máy phát điện giảm ảnh hưởng tiếng ồn tới công nhân làm việc; ống khói được làm bằng thép không gỉ, chịu nhiệt cao, ống khói cao hơn mái trại khoảng 02 m, đường kính ống khói 150 mm...

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi từ quá trình nhập nguyên liệu thức ăn:* Trang bị khẩu trang y tế, các phương tiện bảo hộ lao động cho công nhân trực tiếp nhập cám và cho heo ăn để hạn chế bụi phát sinh; trồng cây xanh xung quanh khu vực; thường xuyên dọn dẹp vệ sinh...

- *Biện pháp xử lý khí gas thoát ra từ hầm biogas:* Lượng khí gas phát sinh từ hầm biogas được tận dụng để làm nhiên liệu nấu ăn cho trang trại và nấu heo chét không do dịch bệnh cho cá; trường hợp còn dư thừa, Chủ Dự án đốt bỏ. Việc đốt bỏ được thực hiện bằng thiết bị đốt khi dư kín chuyên dụng, thiết bị có trang bị đồng hồ áp tự động, có hệ thống chống cháy ngược và hệ thống van an toàn.

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do mùi hôi từ quá trình xử lý nước thải, khu vực nhà để phân, khu vực hầm hủy xác và khu chăn nuôi:*

Khu vực chuồng nuôi: Xây dựng chuồng trại cao ráo, thông thoáng; bố trí quạt hút hoạt động liên tục; trồng cây xanh cách ly; luôn vệ sinh chuồng trại sạch sẽ; định kỳ phun thuốc sát trùng xung quanh khu chăn nuôi, các chuồng nuôi ít nhất 01 lần/02 tuần; phun thuốc sát trùng lối đi trong khu chăn nuôi và các dãy nuôi ít nhất 01 lần/tuần khi không có dịch bệnh và ít nhất 01 lần/ngày khi có dịch bệnh; phun chế phẩm EM khu vực chuồng chăn nuôi định kỳ 02 lần/ngày...

Khu vực xử lý nước thải: Hệ thống mương thu gom nước thải là hệ thống kín, thường xuyên khơi thông dòng chảy để tránh ứ đọng; trồng cây xanh, thảm cỏ bao quanh khuôn viên trang trại, sử dụng chế phẩm sinh học EM phun vào những vị trí phát sinh mùi hôi nhiều với tần suất 02 lần/ngày...

Khu vực nhà để phân: Dùng chế phẩm sinh học EM phun lên bề mặt phân heo với tần suất 01 lần/ngày; rắc vôi bột nhằm xử lý các vi khuẩn có hại tồn tại trong phân heo với tần suất 01 lần/ngày.

Khu vực hầm hủy xác: Bố trí xây dựng hầm hủy xác nằm trong khu vực biệt lập; trồng cây xanh xung quanh hầm hủy xác để hạn chế sự phát tán mùi trong không khí; rải vôi bên trong và trên bề mặt hầm hủy xác...

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Khí thải từ máy phát điện phải đạt cột B, QCVN 19:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ trước khi xả ra môi trường. Môi trường không khí khu vực Dự án đạt các quy định tại Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT ngày 10/10/2002 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động; QCVN 02:2019/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc; QCVN 03:2019/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc và các quy định của pháp luật hiện hành.

3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu trữ, quản lý, xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt:

3.3.1. Trong giai đoạn triển khai xây dựng Dự án:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do chất thải rắn xây dựng:* Thu gom toàn bộ lượng chất thải rắn xây dựng phát sinh, tận dụng san nền tại chỗ đối với đất, đá, gạch... Đối với lượng chất thải rắn không thể tận dụng, Chủ Dự án thu gom và hợp đồng với đơn vị có chức năng xử lý theo quy định.

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do chất thải rắn sinh hoạt:* Thu gom, lưu chứa vào các thùng chứa bằng nhựa có dung tích 120 lít và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Chất thải rắn xây dựng, chất thải rắn sinh hoạt phải được quản lý theo đúng quy định tại Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/04/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu và Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/05/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và các quy định của pháp luật hiện hành.

3.3.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào hoạt động:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do phân heo:* Phân heo nái được thu gom khô sau đó được đóng bao và lưu giữ trong nhà để phân, diện tích 105 m², kết cấu: nền bê tông, cột bê tông cốt thép, tường xây kín tô 02 mặt quét sơn nước, mái lợp tôn sau đó xuất bán cho các đơn vị có nhu cầu. Phân heo từ nhà heo nọc và heo cai sữa theo nước thải chảy về hồ CT sau đó chảy vào hầm biogas của hệ thống xử lý nước thải.

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do xác heo chết không do dịch bệnh (do ngộp, còi cọc) và nhau thai:* Xác heo chết không do dịch bệnh và nhau thai được thu gom sau đó cho vào hầm hủy xác để xử lý. Hầm hủy xác có kích thước: dài x

rộng x sâu = 06 m x 04 m x 04 m, kết cấu: bê tông chống thấm, cửa đóng kín; hầm hủy có 02 ngăn mỗi ngăn có 01 cửa để bỏ heo chết không do dịch bệnh và nhau thai, cửa được xây bằng gạch, với kích thước dài x rộng = 0,4 m x 0,4 m. Bề mặt hầm hủy xác bố trí cửa kín có rắc vôi bột.

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do xác heo chết do dịch bệnh*: Khi Chủ Dự án nghi ngờ heo chết không rõ nguyên nhân, heo chết do dịch bệnh phải báo ngay cho chính quyền địa phương và cơ quan quản lý chuyên môn gần nhất để được hướng dẫn theo quy định.

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do bùn từ hệ thống xử lý nước thải*: Lượng bùn phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải được thu gom về bể chứa bùn kích thước: dài x rộng x sâu = 2,2 m x 1,2 m x 03 m, kết cấu: bê tông cốt thép, có quét vật liệu chống thấm. Chủ Dự án phải tiến hành lấy mẫu bùn thải để phân tích, nếu mẫu bùn có chỉ tiêu vượt ngưỡng chất thải nguy hại theo quy định của QCVN 50:2013/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ngưỡng nguy hại đối với bùn thải từ quá trình xử lý nước, Chủ Dự án phải quản lý theo quy định về quản lý chất thải nguy hại; nếu không vượt QCVN 50:2013/BTNMT, Chủ Dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ thu gom và xử lý theo quy định.

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do chất thải rắn sinh hoạt*: Thu gom chất thải rắn sinh hoạt vào các thùng chứa có dung tích 120 lít đặt dọc đường giao thông nội bộ, xung quanh và trong khu vực trang trại; hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ thu gom và xử lý theo quy định.

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do chất thải rắn công nghiệp không nguy hại*: Thu gom và lưu chứa tại nhà chứa chất thải rắn thông thường có diện tích 12 m², kết cấu: nền bê tông, cột bê tông cốt thép, tường xây tô 02 mặt, mái lợp tôn. Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và xử lý theo quy định.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường*: Phân heo phải được xử lý theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 12 Quyết định số 25/2018/QĐ-UBND ngày 27/4/2018 của UBND tỉnh ban hành Quy định về quản lý nhà nước đối với hoạt động chăn nuôi gia súc, gia cầm trên địa bàn tỉnh Bình Phước trước khi xuất bán cho các đơn vị có nhu cầu. Chất thải rắn thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải được quản lý theo đúng quy định tại Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/04/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu và Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/05/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và các quy định của pháp luật hiện hành.

3.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu trữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

3.4.1. Trong giai đoạn triển khai xây dựng Dự án:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do chất thải nguy hại*: Chất thải nguy hại được thu gom, phân loại và lưu giữ trong các thùng chứa có thể tích 60 lít bằng nhựa HDPE có nắp đậy kín, dán nhãn đặt trong nhà chứa chất thải nguy hại, diện tích 08 m² với kết cấu bê tông cốt thép, tường xây tô 02 mặt, mái lợp tôn, có gờ chắn và hố thu gom phòng ngừa tràn đổ chất thải nguy hại (nhà chứa chất thải nguy hại này được sử dụng cho cả giai đoạn xây dựng và hoạt động). Hợp đồng với đơn vị có

chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Quản lý chất thải nguy hại phát sinh đảm bảo theo quy định của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại và các quy định hiện hành.

3.4.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do chất thải nguy hại:* Chất thải nguy hại được thu gom, phân loại và lưu giữ trong các thùng chứa có thể tích 60 lít bằng nhựa HDPE có nắp đậy kín, dán nhãn đặt trong nhà chứa chất thải nguy hại, diện tích 04 m x 02 m = 08 m² có mái che, nền bê tông, cột bê tông cốt thép, tường xây tô 02 mặt, sơn nước, mái lợp tôn, có dán biển cảnh báo, có bố trí thiết bị phòng cháy chữa cháy và rãnh thu gom chất thải dạng lỏng... theo đúng quy định về quản lý chất thải nguy hại. Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Quản lý chất thải nguy hại phát sinh đảm bảo theo quy định của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại và các quy định hiện hành.

3.5. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung và ô nhiễm khác:

3.5.1. Trong giai đoạn triển khai xây dựng Dự án:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn:* Sử dụng các loại xe chuyên dụng hiện đại, ít gây tiếng ồn; sắp xếp thời gian làm việc hợp lý; quy định tốc độ xe, máy móc khi hoạt động trong khu vực thi công, thường xuyên bảo dưỡng, kiểm tra các phương tiện giao thông...

- *Biện pháp giảm thiểu tác động của Dự án tới kinh tế xã hội:* Ưu tiên sử dụng lực lượng lao động tại địa phương; thường xuyên giám sát quá trình xây dựng của công nhân để có hướng giải quyết thích hợp khi xảy ra mâu thuẫn...

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Tuân thủ các quy chuẩn, tiêu chuẩn môi trường và các quy chuẩn hiện hành có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình thi công xây dựng của Dự án.

3.5.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào hoạt động:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn:* Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng các máy móc, thiết bị; các phương tiện vận chuyển hạn chế nổ máy trong thời gian chờ bốc dỡ; trồng cây xanh xung quanh khu vực Dự án...

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Tuân thủ các quy chuẩn, tiêu chuẩn môi trường và các quy chuẩn hiện hành có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình hoạt động của Dự án.

3.6. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường:

3.6.1. Trong giai đoạn triển khai xây dựng Dự án: Thực hiện các biện pháp để phòng ngừa, ứng phó tai nạn lao động, tai nạn giao thông, các sự cố về cháy nổ... và tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành.

3.6.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

- *Biện pháp khắc phục đối với hệ thống xử lý nước thải:* Thường xuyên kiểm tra hệ thống; có nhân viên vận hành đúng chuyên môn; các máy móc, thiết bị phục vụ cho việc xử lý nước thải đều có thiết bị dự phòng; định kỳ lấy mẫu giám sát chất lượng nước thải sau xử lý để đánh giá hiệu quả của hệ thống xử lý...

- *Biện pháp giảm thiểu sự cố hóa chất:* Việc lưu trữ và sử dụng hóa chất phải thực hiện tuân thủ theo TCVN 5507:2002 – Tiêu chuẩn Việt Nam về hóa chất nguy hiểm, quy phạm an toàn trong sản xuất, kinh doanh, sử dụng, bảo quản và vận chuyển.

- Thực hiện các biện pháp để phòng ngừa, ứng phó tai nạn lao động, tai nạn giao thông... và tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành.

4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của Dự án: Các công trình bảo vệ môi trường chính được kiểm tra trước khi cho phép vận hành thử nghiệm và xác nhận hoàn thành để đi vào vận hành theo quy định:

- Công trình thu gom, thoát nước mưa; công trình thu gom và xử lý nước thải.
- Công trình lưu giữ, quản lý chất thải rắn thông thường.
- Công trình lưu giữ, quản lý chất thải nguy hại.
- Công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường.
- Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ Dự án:

5.1. Chương trình giám sát giai đoạn xây dựng:

5.1.1. Giám sát môi trường không khí:

- *Vị trí giám sát:* 01 điểm tại khu vực thi công.
- *Thông số giám sát:* Vi khí hậu, tiếng ồn, bụi, SO₂, NO₂, CO.
- *Tần suất giám sát:* 06 tháng/lần.

- *Quy chuẩn so sánh/Quy định áp dụng:* QCVN 26:2016/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu – Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc; QCVN 24:2016/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn – Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc; QCVN 02:2019/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc; QCVN 03:2019/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc; Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT ngày 10/10/2002 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động.

5.1.2. Giám sát chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại:

- *Vị trí giám sát:* Khu vực lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại.

- *Thông số giám sát:* Khối lượng, thành phần, chứng từ giao nhận.

- *Tần suất giám sát:* Thường xuyên, liên tục; định kỳ báo cáo cơ quan chức năng theo quy định.

- *Quy định áp dụng:* Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/04/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu; Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/06/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại và theo quy định hiện hành.

5.2. Chương trình giám sát giai đoạn hoạt động:

5.2.1. Giám sát môi trường không khí khu vực Dự án:

- *Vị trí giám sát:* 01 điểm tại khu vực chuồng trại, 01 điểm tại khu vực xử lý nước thải và 01 điểm tại khu vực hầm ủ xác.

- *Thông số giám sát:* Tiếng ồn, vi khí hậu, bụi, CH₄, NH₃, H₂S.

- *Tần suất giám sát:* 06 tháng/lần.

- *Quy chuẩn so sánh/Quy định áp dụng:* QCVN 24:2016/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn – Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc; QCVN 26:2016/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu – Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc; QCVN 02:2019/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc; QCVN 03:2019/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc; Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT ngày 10/10/2002 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động.

5.2.2. Giám sát môi trường nước thải:

- *Vị trí giám sát:* 01 vị trí đầu vào tại hồ CT và 01 vị trí đầu ra tại hồ chứa nước thải sau xử lý.

- *Thông số giám sát:* Lưu lượng, pH, TSS, BOD₅, COD, tổng nitơ, tổng chất rắn lơ lửng, tổng coliform, coli phân, salmonella.

- *Tần suất giám sát:* 03 tháng/lần.

- *Quy chuẩn so sánh:* Cột B, QCVN 62-MT:2016/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi và QCVN 01-14:2010/BNNPTNT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia điều kiện trại chăn nuôi lợn an toàn sinh học.

5.2.3. Giám sát môi trường nước dưới đất:

- *Vị trí giám sát:* 01 mẫu tại giếng khoan trong trang trại.

- *Thông số giám sát:* pH, độ cứng, TDS, Fe, nitrit, nitrat, Cl⁻, amoni, tổng coliform.

- *Tần suất giám sát:* 06 tháng/lần.

- *Quy chuẩn so sánh*: QCVN 09-MT:2015/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước dưới đất.

5.2.4. Giám sát môi trường nước mặt:

- *Vị trí giám sát*: 01 mẫu tại suối nhỏ tiếp giáp Dự án.

- *Thông số giám sát*: pH, BOD₅, COD, DO, TSS, amoni, clorua, florua, nitrat, nitrit, coliform.

- *Tần suất giám sát*: 03 tháng/lần.

- *Quy chuẩn so sánh*: Cột B1, QCVN 08-MT:2015/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt.

5.2.5. Giám sát môi trường đất:

- *Vị trí giám sát*: 01 điểm tưới tiêu trong khu vực Dự án.

- *Thông số giám sát*: As, Pb, Cu, Zn, Cd, Cr.

- *Tần suất giám sát*: 03 tháng/lần.

- *Quy chuẩn so sánh*: QCVN 03-MT:2015/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giới hạn cho phép một số kim loại nặng trong đất.

5.2.6. Giám sát chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại:

- *Vị trí giám sát*: Khu vực lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại.

- *Thông số giám sát*: Khối lượng, thành phần, chứng từ giao nhận.

- *Tần suất giám sát*: Thường xuyên, liên tục; định kỳ báo cáo cơ quan chức năng theo quy định.

- *Quy định áp dụng*: Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/04/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu; Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/06/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại và theo quy định hiện hành.

6. Các điều kiện có liên quan đến môi trường khác:

6.1. Thực hiện đúng, đầy đủ các nội dung bảo vệ môi trường nêu trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.

6.2. Chủ Dự án phải đảm bảo đủ điều kiện trại chăn nuôi lợn an toàn sinh học theo đúng quy định tại QCVN 01-14:2010/BNNPTNT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia điều kiện trại chăn nuôi lợn an toàn sinh học.

6.3. Trong quá trình xây dựng và hoạt động, Chủ Dự án phải thực hiện theo đúng các yêu cầu quy định tại Điều 7, Điều 8, Điều 9, Điều 10, Điều 11 và Điều 12 Quyết định số 25/2018/QĐ-UBND ngày 27/4/2018 của UBND tỉnh ban hành Quy định về quản lý nhà nước đối với hoạt động chăn nuôi gia súc, gia cầm trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

6.4. Dự án chỉ đi vào hoạt động (chăn nuôi heo) sau khi xây dựng hoàn thiện

hệ thống xử lý nước thải và các công trình bảo vệ môi trường như đã trình bày trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.

6.5. Thực hiện trồng cây xanh trong khu vực Dự án đảm bảo đạt tỷ lệ 20% tổng diện tích Dự án, bố trí dãy cây xanh cách ly khu vực chăn nuôi, khu xử lý chất thải với khu vực xung quanh.

6.6. Trong quá trình hoạt động, Chủ Dự án phải nghiêm chỉnh vận hành các hệ thống xử lý chất thải như trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã nêu. Nếu để xảy ra sự cố gây ảnh hưởng xấu đến chất lượng môi trường và sức khỏe cộng đồng phải dừng ngay các hoạt động của Dự án gây ra sự cố; tổ chức ứng cứu khắc phục sự cố; thông báo ngay cho Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan có liên quan nơi có Dự án để chỉ đạo và phối hợp xử lý kịp thời.

6.7. Thực hiện các yêu cầu của địa phương tại Công văn số 35/UBND ngày 17/3/2021 của UBND xã Thuận Lợi về việc ý kiến tham vấn Báo cáo ĐTM về Dự án Đầu tư xây dựng trang trại chăn nuôi 3.000 con heo nái sinh sản và Biên bản họp tham vấn cộng đồng dân cư chịu tác động trực tiếp bởi Dự án ngày 17/3/2021 tại xã Thuận Lợi, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước. Phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương trong quá trình thực hiện Dự án để đảm bảo an ninh trật tự và ưu tiên tuyển dụng lao động tại địa phương.

6.8. Trong quá trình thực hiện nếu Dự án có những thay đổi so với Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt, Chủ Dự án phải có văn bản báo cáo cơ quan thẩm quyền để được hướng dẫn thực hiện theo quy định.

6.9. Sau khi Báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt Chủ Dự án phải có trách nhiệm lập hồ sơ đề nghị kiểm tra, xác nhận việc đã thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của Dự án gửi cơ quan có thẩm quyền để kiểm tra, xác nhận trước khi đưa Dự án vào vận hành chính thức theo quy định tại Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường.

6.10. Thực hiện các nội dung khác theo đúng quy định của pháp luật hiện hành./.